



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Chuyên sản xuất bao PP dệt, túi siêu thị, vải địa kỹ thuật

- Văn Phòng: 414 Lầu 5 - Lũy Bán Bích - P. Hòa Thạnh - Q. Tân Phú - Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.8) 3.9737277 - 3.9737278 - 3.9737276 * Fax: (84.8) 3.9737279
- Nhà Máy: C11 - C15 Cụm CN nhựa Đức Hòa Hạ - Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An
ĐT: (84) 072.3779328 * Fax: (84) 072.3779255
Email: tdhplastic@gmail.com - Website: www.tandaihungplastic.com



Số: 15/2020/CV-TDH

TP.HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước

- Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Tên công ty : Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng
Địa chỉ : 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM
Điện thoại : (84.28) 39737277 Fax: (84.28) 39737279
Mã chứng khoán : TPC
Sàn niêm yết : Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE)
Người thực hiện công bố thông tin: **Tôn Thị Hồng Minh** – P.Chủ tịch HĐQT kiêm P.Tổng Giám Đốc
Loại thông tin công bố: 24h 72h Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ
Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2019 riêng (đã kiểm toán).
- BCTC năm 2019 hợp nhất (đã kiểm toán).
- Nghị quyết HĐQT số 03.2020 ngày 20/03/2020./

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/03/2020 tại đường dẫn: <http://tandaihungplastic.com/>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VP./

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
P.CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHỰA
TÂN ĐẠI HƯNG

TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH

Tôn Thị Hồng Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 37
8. Phụ lục	38 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302760102, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 4 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 – 28) 39 737 277 - 39 737 278
- Fax : (84 – 28) 39 737 279 - 39 737 276

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán, sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải); Mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm nghiệp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Bà Tôn Thị Hồng Minh	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Phạm Trung Cang	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2018
Ông Phạm Văn Mẹo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Hữu Vinh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Kim Ánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Bà Đoàn Thị Hồng Tươi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Dũng	Ủy viên	Từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Bà Lê Thị Minh Trí	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Bà Đào Thanh Tuyền	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Phạm Văn Mẹo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2019
Ông Phạm Trung Cang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2019
Ông Phạm Trung Cang	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2019
Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2019
Bà Tôn Thị Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016



Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Phạm Đỗ Diễm Hương - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016).

Bà Phạm Đỗ Diễm Hương đã ủy quyền cho Bà Tôn Thị Hồng Minh – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy ủy quyền ngày 25 tháng 02 năm 2017.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

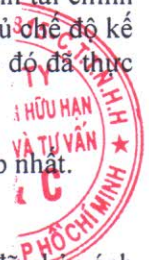
Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,


Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2020



Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0457/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C


Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1


Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0090-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		476.425.612.950	467.385.665.294
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44.892.001.815	41.430.643.779
1. Tiền	111		15.892.001.815	14.558.921.557
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.000.000.000	26.871.722.222
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		84.000.000.000	51.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	84.000.000.000	51.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.397.016.979	165.900.223.372
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	106.796.346.691	155.190.323.103
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.435.938.039	2.353.202.687
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	7.459.000.389	8.650.965.722
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.294.268.140)	(1.294.268.140)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	214.122.019.952	201.692.121.582
1. Hàng tồn kho	141		214.122.019.952	201.692.121.582
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.014.574.204	7.362.676.561
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.255.595.092	1.686.151.516
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.758.979.112	5.676.525.045
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		189.939.885.131	194.991.814.199
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.141.858.148	22.930.435.024
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	1.141.858.148	22.930.435.024
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		182.623.262.915	70.345.638.209
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	149.423.262.915	70.345.638.209
- Nguyên giá	222		249.614.687.771	159.119.725.135
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.191.424.856)	(88.774.086.926)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	33.200.000.000	-
- Nguyên giá	228		33.364.800.000	164.800.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(164.800.000)	(164.800.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.000.347.397	11.585.699.299
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	347.397	12.393.326.995
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	-	(807.627.696)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	2.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.174.416.671	90.130.041.667
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.174.416.671	90.130.041.667
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		666.365.498.081	662.377.479.493

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		330.591.735.877	334.641.845.071
I. Nợ ngắn hạn	310		330.591.735.877	334.641.845.071
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	39.323.855.518	38.539.387.662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	19.057.937.061	5.764.795.463
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.395.084.103	6.258.863.013
4. Phải trả người lao động	314	V.14	2.581.896.516	11.007.220.184
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	682.680.586	566.148.576
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	1.498.377.272
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	27.278.430.004	13.930.439.702
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	237.271.852.089	257.076.613.199
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		335.773.762.204	327.735.634.422
I. Vốn chủ sở hữu	410		335.773.762.204	327.735.634.422
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	244.305.960.000	244.305.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		244.305.960.000	244.305.960.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18	82.683.222.451	86.242.518.451
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.18	(24.593.180.860)	(40.632.476.860)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	33.377.760.613	37.819.632.831
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		12.296.885.630	37.819.632.831
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		21.080.874.983	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		666.365.498.081	662.377.479.493

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020



Hồ Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	781.060.893.734	713.685.054.261
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		781.060.893.734	713.685.054.261
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	710.317.006.650	645.762.638.681
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.743.887.084	67.922.415.580
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.189.011.519	14.191.292.433
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.282.417.151	14.339.244.527
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.334.596.928	7.328.364.460
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	21		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	23.464.719.928	16.692.963.160
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	23.801.182.536	22.936.254.349
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.384.578.988	28.145.245.977
12. Thu nhập khác	31	VI.7	4.655.236.551	9.804.084.239
13. Chi phí khác	32	VI.8	64.441.196	26.656.515
14. Lợi nhuận khác	40		4.590.795.355	9.777.427.724
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.975.374.343	37.922.673.701
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	4.894.499.360	7.779.442.403
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>21.080.874.983</u>	<u>30.143.231.298</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>21.080.874.983</u>	<u>30.143.231.298</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>-</u>	<u>-</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>989</u>	<u>1.417</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>989</u>	<u>1.417</u>



Hồ Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp gián tiếp)****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.975.374.343	37.922.673.701
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	11.682.565.190	9.872.972.695
- Các khoản dự phòng	03	V.2b	(807.627.696)	(2.040.490.157)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3; VI.4	2.411.776	(1.831.827.066)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7	(4.942.858.779)	(7.528.972.358)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8.334.596.928	7.328.364.460
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40.244.461.762	43.722.721.275
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		38.833.878.443	(59.233.596.618)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.429.898.370)	(59.821.554.056)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		20.100.443.464	52.757.537.872
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.386.181.420	3.390.541.736
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.15; VI.4	(8.291.782.166)	(7.280.054.620)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(7.862.535.415)	(4.700.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		72.980.749.138	(31.164.404.411)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9; V.10; VII.	(20.136.643.773)	(19.645.015.666)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9; VI.8	96.500.000	120.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(58.000.000.000)	(23.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	23.000.000.000	121.023.691.389
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b; VI.3	11.967.396.000	3.472.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	5.446.832.452	9.495.253.608
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.625.915.321)	90.966.429.331

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.18	12.480.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	484.676.673.115	471.438.593.954
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(503.640.202.520)	(475.709.878.449)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16; V.18	(25.436.836.801)	(31.832.868.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(31.920.366.206)	(36.104.152.495)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.434.467.611	23.697.872.425
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	41.430.643.779	17.862.092.511
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		26.890.425	(129.321.157)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	44.892.001.815	41.430.643.779

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

Hồ Nhật Minh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán, sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải); Mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH TĐH có trụ sở chính tại C11 - C15, Cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất các sản phẩm bao bì nhựa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100%.

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 641 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 639 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung và những chi phí liên quan trực tiếp khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê nhà xưởng và chi phí sửa chữa,... Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê nhà xưởng

Chi phí thuê nhà xưởng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 01 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 10
Máy móc và thiết bị	02 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (34 năm 03 tháng).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

300
CỔ
CH N
MTQ
A
INH.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	468.222.708	190.014.921
Tiền gửi ngân hàng	15.423.779.107	14.368.906.636
Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	29.000.000.000	26.871.722.222
Cộng	<u>44.892.001.815</u>	<u>41.430.643.779</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	84.000.000.000	84.000.000.000	51.000.000.000	51.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	84.000.000.000	84.000.000.000	51.000.000.000	51.000.000.000
Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Trái phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Cộng	86.000.000.000	86.000.000.000	51.000.000.000	51.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 01 năm trị giá 84.000.000.000 VND được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số 17).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	198.949	-	-	198.949	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam ⁽ⁱ⁾	148.448	-	148.448	2.393.128.046	(807.627.696)	1.585.500.350
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Hạ tầng Á Châu ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	10.000.000.000	-	-
Cộng	347.397	-	-	12.393.326.995	(807.627.696)	-

(i) Trong năm, Tập đoàn đã chuyển nhượng 112.840 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam với giá chuyển nhượng là 1.967.396.000 VND.

(ii) Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Hạ tầng Á Châu trả lại vốn góp.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	807.627.696	2.848.117.853
Hoàn nhập dự phòng	(807.627.696)	(2.040.490.157)
Số cuối năm	-	807.627.696

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	24.518.068.500
Công ty TNHH Đại Hưng	-	24.517.040.000
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc	-	1.028.500
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	106.796.346.691	130.672.254.603
Aqua Dam Inc.	30.954.585.931	38.798.101.936
Yomizo Trading	14.383.351.189	22.310.049.624
Phải thu các khách hàng khác	61.458.409.571	69.564.103.043
Cộng	<u>106.796.346.691</u>	<u>155.190.323.103</u>

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Khoản phải thu dài hạn Aqua Dam Inc..

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
IVICT (Singapore) Pte. Ltd.	6.754.072.050	-
Hengli Machinery (HongKong) Co., Ltd.	2.717.444.000	-
Shanghai Dagui International Trade Co., Ltd.	764.610.000	-
Starlinger & Co., Ltd	-	2.004.479.998
Các nhà cung cấp khác	1.199.811.989	348.722.689
Cộng	<u>11.435.938.039</u>	<u>2.353.202.687</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	450.906.355	-	1.615.918.355	-
Phải thu tiền mua quyền sử dụng đất dự án đất Tân Đô	4.518.845.456	-	4.518.845.456	-
Tiền lãi có kỳ hạn dự thu	2.184.700.000	-	2.200.290.313	-
Lãi tiền cho vay	-	-	16.163.385	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	304.548.578	-	299.748.213	-
Cộng	<u>7.459.000.389</u>	<u>-</u>	<u>8.650.965.722</u>	<u>-</u>

6. Nợ xấu

Tập đoàn chỉ có khoản nợ xấu là khoản phải thu Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thành Phú về tiền bán hàng với số tiền 1.294.268.140 VND đã quá hạn trên 03 năm. Giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này là 0 VND.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	2.504.700.000	-	12.098.806.025	-
Nguyên liệu, vật liệu	62.864.281.722	-	57.058.741.705	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	137.222.791.714	-	123.764.498.176	-
<i>Bán thành phẩm</i>	<i>129.176.035.413</i>	<i>-</i>	<i>123.764.498.176</i>	<i>-</i>
<i>Dự án túi nước ngọt</i>	<i>8.046.756.301</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thành phẩm	11.360.089.543	-	8.449.145.320	-
Hàng hóa	170.156.973	-	320.930.356	-
Cộng	<u>214.122.019.952</u>	<u>-</u>	<u>201.692.121.582</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số 17).

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	588.929.092	19.484.850
Chi phí thuê nhà xưởng	1.000.000.000	-
Chi phí sửa chữa	1.666.666.000	1.666.666.666
Cộng	3.255.595.092	1.686.151.516

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	4.174.416.671	2.130.041.667
Chi phí thuê nhà xưởng (*)	-	88.000.000.000
Cộng	4.174.416.671	90.130.041.667

(*) Trong năm, Tập đoàn đã ký hợp đồng hủy bỏ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với Công ty TNHH Đại Hưng.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	4.620.079.680	137.995.822.819	16.159.744.804	344.077.832	159.119.725.135
Mua trong năm	73.400.000.000	16.083.599.000	1.419.727.273	-	90.903.326.273
Thanh lý, nhượng bán	-	(408.363.637)	-	-	(408.363.637)
Số cuối năm	78.020.079.680	153.671.058.182	17.579.472.077	344.077.832	249.614.687.771
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.620.079.680	48.139.218.065	2.030.857.563	344.077.832	55.134.233.140
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.496.413.022	76.740.635.659	7.192.960.413	344.077.832	88.774.086.926
Khấu hao trong năm	123.666.658	9.645.138.389	1.913.760.143	-	11.682.565.190
Thanh lý, nhượng bán	-	(265.227.260)	-	-	(265.227.260)
Số cuối năm	4.620.079.680	86.120.546.788	9.106.720.556	344.077.832	100.191.424.856
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	123.666.658	61.255.187.160	8.966.784.391	-	70.345.638.209
Số cuối năm	73.400.000.000	67.550.511.394	8.472.751.521	-	149.423.262.915
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Nhà xưởng có giá trị còn lại theo sổ sách là 73.400.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	164.800.000	164.800.000
Mua trong năm	33.200.000.000	-	33.200.000.000
Số cuối năm	33.200.000.000	164.800.000	33.364.800.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	164.800.000	164.800.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	164.800.000	164.800.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	164.800.000	164.800.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	33.200.000.000	-	33.200.000.000
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 33.200.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	5.264.624.946	3.524.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành	3.432.829.193	4.618.634.714
Các nhà cung cấp khác	30.626.401.379	30.396.752.948
Cộng	39.323.855.518	38.539.387.662

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bến Tre	13.759.625.563	-
Hummingbag Co., Ltd.	4.760.596.941	1.647.566.792
Ly Eco Co., Ltd.	-	2.782.231.464
Các khách hàng khác	537.714.557	1.334.997.206
Cộng	19.057.937.061	5.764.795.463

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	4.740.078.804	(4.241.087.458)	498.991.346
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	9.256.252.190	(9.256.252.190)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	7.045.647	(7.045.647)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.211.088.049	4.894.499.360	(7.862.535.415)	3.243.051.994
Thuế thu nhập cá nhân	47.774.964	2.164.195.442	(1.558.929.643)	653.040.763
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	6.258.863.013	21.068.071.443	(22.931.850.353)	4.395.084.103

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu	0%
- Hàng hóa tiêu thụ trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.975.374.343	37.922.673.701
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.065.210.852	974.538.311
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	27.040.585.195	38.897.212.012
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.408.117.039	7.779.442.403
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(513.617.679)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.894.499.360	7.779.442.403

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 13 còn phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	417.600.000	374.785.238
Chi phí gia công phải trả	265.080.586	191.363.338
Cộng	<u>682.680.586</u>	<u>566.148.576</u>

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>22.000.000.000</i>	<i>11.300.000.000</i>
Ông Phạm Trung Cang – Tiền mượn phải trả	22.000.000.000	11.300.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.278.430.004</i>	<i>2.630.439.702</i>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.359.154.644	1.229.074.742
Cổ tức phải trả	1.374.475.360	1.288.564.960
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh – Phải trả tiền kinh phí ⁽ⁱ⁾	2.410.000.000	-
Trả trước theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp vào dự án Tân Đô	112.800.000	112.800.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	22.000.000	-
Cộng	<u>27.278.430.004</u>	<u>13.930.439.702</u>

(i) Là khoản kinh phí phải trả cho Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thực hiện dự án Khoa học và Công nghệ số 03/2019/HĐ-KHCN-TNB.ĐT/14-19.C41 ngày 02 tháng 01 năm 2019 giữa Công ty và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh để thực hiện dự án “Sản xuất túi dự trữ nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất cho dân cư ở các vùng chịu thiệt hại xâm nhập mặn và thí điểm tại tỉnh Bến Tre”.

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	77.465.535.350	41.082.444.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	66.278.595.950	69.888.225.200
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	45.015.417.440	97.764.916.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình ^(iv)	25.342.303.349	29.958.739.999
Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(v)	23.170.000.000	18.382.288.000
Cộng	<u>237.271.852.089</u>	<u>257.076.613.199</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 06 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh V.2a).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà xưởng và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).
- (v) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh 06 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hàng tồn kho của Công ty (xem thuyết minh số V.7).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh của các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	257.076.613.199	256.657.530.555
Số tiền vay phát sinh	484.676.673.115	471.438.593.954
Số tiền vay đã trả	(503.640.202.520)	(475.709.878.449)
Chênh lệch tỷ giá	(841.231.705)	4.690.367.139
Số cuối năm	<u>237.271.852.089</u>	<u>257.076.613.199</u>

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	39.579.835.533	329.495.837.124
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	30.143.231.298	30.143.231.298
Chia cổ tức	-	-	-	(31.903.434.000)	(31.903.434.000)
Số dư cuối năm trước	<u>244.305.960.000</u>	<u>86.242.518.451</u>	<u>(40.632.476.860)</u>	<u>37.819.632.831</u>	<u>327.735.634.422</u>
Số dư đầu năm nay	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	37.819.632.831	327.735.634.422
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(3.559.296.000)	16.039.296.000	-	12.480.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	21.080.874.983	21.080.874.983
Chia cổ tức	-	-	-	(25.522.747.201)	(25.522.747.201)
Số dư cuối năm nay	<u>244.305.960.000</u>	<u>82.683.222.451</u>	<u>(24.593.180.860)</u>	<u>33.377.760.613</u>	<u>335.773.762.204</u>

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	33.825.900.000	33.825.900.000
Ông Phạm Trung Cang	32.232.200.000	32.232.200.000
Các cổ đông khác	178.247.860.000	178.247.860.000
Cộng	<u>244.305.960.000</u>	<u>244.305.960.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.430.596	24.430.596
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.430.596	24.430.596
- Cổ phiếu phổ thông	24.430.596	24.430.596
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1.913.640)	(3.161.640)
- Cổ phiếu phổ thông	(1.913.640)	(3.161.640)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.516.956	21.268.956
- Cổ phiếu phổ thông	22.516.956	21.268.956
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã chia cổ tức năm 2018 cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 26 tháng 4 năm 2019 với số tiền 25.522.747.200 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

19a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	372.531,27	500.542,39
Euro (EUR)	20,87	20,87

19b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền hàng Công ty FOKUS - H.S.R.O với số tiền 77.513,81 USD, tương đương 1.646.858.492 VND đã được xóa sổ do đã quá hạn trên 03 năm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu	12.995.831.561	28.874.882.850
Doanh thu bán thành phẩm	762.507.315.915	679.287.340.351
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.238.546.258	5.223.831.060
Doanh thu khác	319.200.000	299.000.000
Cộng	<u>781.060.893.734</u>	<u>713.685.054.261</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc với số tiền là 2.562.980.000 VND (năm trước là 22.214.496.500 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, nguyên vật liệu đã bán	11.193.112.242	26.838.380.168
Giá vốn của thành phẩm đã bán	693.912.497.209	613.535.137.171
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.062.182.622	5.218.964.367
Giá vốn khác	149.214.577	170.156.975
Cộng	<u>710.317.006.650</u>	<u>645.762.638.681</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.357.905.138	8.565.812.330
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	20.897.206	49.274.246
Lãi tiền cho vay	57.173.616	36.164.385
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	(425.583.598)	(1.193.004.357)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	807.627.696	2.091.271.307
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	500.551.901	2.363.657.604
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.870.439.560	2.278.116.918
Cộng	<u>8.189.011.519</u>	<u>14.191.292.433</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	8.334.596.928	7.328.364.460
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.425.586.546	6.421.518.878
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	502.963.677	531.830.538
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	50.781.150
Chi phí tài chính khác	19.270.000	6.749.501
Cộng	<u>10.282.417.151</u>	<u>14.339.244.527</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	11.584.489	53.693.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	141.116.064	103.685.506
Chi phí vận chuyển	18.317.961.813	14.335.184.248
Chi phí hoa hồng môi giới	351.145.484	208.494.600
Các chi phí khác	4.642.912.078	1.991.905.215
Cộng	<u>23.464.719.928</u>	<u>16.692.963.160</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	17.457.972.861	14.839.623.238
Chi phí vật liệu quản lý	419.740.446	1.293.282.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.575.692.732	1.446.357.219
Chi phí dịch vụ mua ngoài	839.497.156	1.403.514.591
Các chi phí khác	3.508.279.341	3.953.476.626
Cộng	<u>23.801.182.536</u>	<u>22.936.254.349</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	120.000.000
Thu nhập tiền trực in	4.629.947.301	9.683.097.660
Các khoản thu nhập khác	25.289.250	986.579
Cộng	<u>4.655.236.551</u>	<u>9.804.084.239</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	46.636.377	-
Thuế bị phạt	7.257.780	5.000.000
Các khoản chi phí khác	10.547.039	21.656.515
Cộng	<u>64.441.196</u>	<u>26.656.515</u>

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	21.080.874.983	30.143.231.298
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	21.080.874.983	30.143.231.298
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	21.316.394	21.268.956
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>989</u>	<u>1.417</u>

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	628.134.787.619	597.384.274.554
Chi phí nhân công	97.631.727.428	83.588.039.630
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.682.565.190	9.872.972.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.412.240.498	201.378.217.257
Chi phí khác	106.987.988.927	95.925.474.813
Cộng	<u>1.116.849.309.662</u>	<u>988.148.978.949</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Tập đoàn phát sinh giao dịch thu hồi khoản cho vay bằng cách bù trừ với công nợ phải trả với số tiền 1.000.000.000 VND và cần trừ công nợ mua sắm tài sản cố định với số tiền là 119.031.024.000 VND. Ngoài ra Tập đoàn có các khoản công nợ liên quan tới mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ phải trả mua sắm tài sản cố định	-	11.165.000.000
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	3.899.341.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về tiền mượn với thành viên Hội đồng quản trị với số tiền là 63.900.000.000 (năm trước phát sinh giao dịch về tiền mượn và tiền vay với thành viên Hội đồng quản trị với số tiền lần lượt là 42.300.000.000 VND và 6.000.000.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.16.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 2.503.120.000 VND (năm trước là 3.139.779.000 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đại Hưng	Người đại diện của Công ty TNHH Đại Hưng có mối quan hệ gia đình với Giám đốc Công ty TNHH TĐH
Công ty TNHH Nhựa Đại Hưng	Người đại diện của Công ty TNHH Nhựa Đại Hưng có mối quan hệ gia đình với Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc	Người đại diện của Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc là thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Hưng		
Mua tài sản cố định	106.600.000.000	-
Thuê nhà xưởng	1.000.000.000	-
Giảm chi phí thuê nhà xưởng	82.000.000.000	-

15-C
TY
HỮU H
TƯ V
C
ĐỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc		
Thuê văn phòng	240.000.000	240.000.000
Mua hạt nhựa	65.954.690.911	79.330.627.726
Tiền điện	69.593.566	17.901.390
Thu hộ tiền điện, nước	-	54.826.000

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh bao bì nhựa, hạt nhựa.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bao bì nhựa.
- Lĩnh vực khác: cung cấp dịch vụ.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET. Thị trường tiêu thụ chủ yếu của Tập đoàn là Việt Nam và các nước Châu Âu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Việt Nam	287.262.131.010	279.485.707.504
Các nước Châu Âu	493.798.762.724	434.199.346.757
Cộng	<u>781.060.893.734</u>	<u>713.685.054.261</u>

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.892.001.815	-	-	44.892.001.815
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	86.000.000.000	-	-	86.000.000.000
Phải thu khách hàng	105.502.078.551	-	1.294.268.140	106.796.346.691
Các khoản phải thu khác	7.008.094.034	-	-	7.008.094.034
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	347.397	-	-	347.397
Cộng	243.402.521.797	-	1.294.268.140	244.696.789.937
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.430.643.779	-	-	41.430.643.779
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	51.000.000.000	-	-	51.000.000.000
Phải thu khách hàng	176.826.489.987	-	1.294.268.140	178.120.758.127
Phải thu về cho vay	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Các khoản phải thu khác	7.035.047.367	-	-	7.035.047.367
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.000.000.000	-	2.393.326.995	12.393.326.995
Cộng	287.292.181.133	-	3.687.595.135	290.979.776.268

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	39.323.855.518	-	39.323.855.518
Các khoản phải trả khác	26.601.955.946	-	26.601.955.946
Vay và nợ	237.271.852.089	-	237.271.852.089
Cộng	303.197.663.553	-	303.197.663.553
Số đầu năm			
Phải trả người bán	38.539.387.662	-	38.539.387.662
Các khoản phải trả khác	13.267.513.536	-	13.267.513.536
Vay và nợ	257.076.613.199	-	257.076.613.199
Cộng	308.883.514.397	-	308.883.514.397

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	372.531,27	20,87	500.542,39	20,87
Phải thu khách hàng	2.890.486,78	-	4.532.420,73	-
Phải trả người bán	-	-	(196.428,75)	-
Vay và nợ	(10.240.477,00)	-	(11.080.888,50)	-
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(6.977.458,95)	20,87	(6.244.354,13)	20,87

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 3.233.354.478 VND (năm trước giảm/tăng 2.317.904.253 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 10.240.477,00 USD (số đầu năm là 11.080.888,50 USD).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn tại ngày kết thúc năm tài chính là 148.448 VND (số đầu năm là 1.585.500.350 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp tiền gửi có kỳ hạn và khoản tương đương tiền để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.2a). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 84.000.000.000 VND (số đầu năm là 77.871.722.222 VND).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.892.001.815	-	41.430.643.779	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	86.000.000.000	-	51.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	106.796.346.691	(1.294.268.140)	178.120.758.127	(1.294.268.140)
Phải thu về cho vay	-	-	1.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	7.008.094.034	-	7.035.047.367	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	347.397	-	12.393.326.995	(807.627.696)
Cộng	244.696.789.937	(1.294.268.140)	290.979.776.268	(2.101.895.836)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	39.323.855.518	38.539.387.662
Các khoản phải trả khác	26.601.955.946	13.267.513.536
Vay và nợ	237.271.852.089	257.076.613.199
Cộng	303.197.663.553	308.883.514.397

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

Hồ Nhật Minh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	12.995.831.561	762.507.315.915	5.557.746.258	-	781.060.893.734
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	124.878.044.727	237.688.564.504	6.000.000.000	(368.566.609.231)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	137.873.876.288	1.000.195.880.419	11.557.746.258	(368.566.609.231)	781.060.893.734
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.016.276.531	22.451.686.063	10.022.026	-	23.477.984.620
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					23.477.984.620
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					8.189.011.519
Doanh thu hoạt động tài chính					(10.282.417.151)
Chi phí tài chính					4.655.236.551
Thu nhập khác					(64.441.196)
Chi phí khác					(4.894.499.360)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					21.080.874.983
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.157.036.624	126.560.289.649	-	-	128.717.326.273
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	339.384.892	19.912.805.297	-	-	20.252.190.189
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	28.874.882.850	679.287.340.351	5.522.831.060	-	713.685.054.261
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	73.770.156.000	168.688.004.935	6.000.000.000	(248.458.160.935)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.645.038.850	847.975.345.286	11.522.831.060	(248.458.160.935)	713.685.054.261
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	433.149.766	28.033.008.135	(172.959.830)	-	28.293.198.071
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					28.293.198.071
Doanh thu hoạt động tài chính					14.191.292.433
Chi phí tài chính					(14.339.244.527)
Thu nhập khác					9.804.084.239
Chi phí khác					(26.656.515)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(7.779.442.403)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					30.143.231.298
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	756.427.948	17.795.117.354	-	-	18.551.545.302
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	674.235.246	15.861.517.752	-	-	16.535.752.998
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tài sản phân bổ của bộ phận	41.992.850.904	538.372.299.780	-	-	580.365.150.684
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					86.000.347.397
Tổng tài sản					666.365.498.081
Nợ phải trả phân bổ của bộ phận	7.852.985.020	322.738.750.857	-	-	330.591.735.877
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					-
Tổng nợ phải trả					330.591.735.877
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	24.456.144.115	575.335.636.079	-	-	599.791.780.194
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					62.585.699.299
Tổng tài sản					662.377.479.493
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	13.644.817.185	320.997.027.886	-	-	334.641.845.071
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					-
Tổng nợ phải trả					334.641.845.071

Hồ Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020